

Thực hiện chính sách phát triển doanh nghiệp kinh tế tư nhân tại Đồng bằng sông Cửu Long

PHẠM ĐÌNH TUYẾN^{1,*} & VÕ CHÍ XINH²

¹ Trường Chính trị TP. Cần Thơ

² Văn phòng UBND TP. Cần Thơ

Nhận bài: 30/12/2021 - Duyệt đăng: 15/04/2022

(*) Liên hệ: phamtuyen48@gmail.com - Tel: 0919630369

Tóm tắt:

Sau 35 năm đổi mới, với chính sách phát triển kinh tế tư nhân của Đảng và Nhà nước ta, doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, khẳng định được vị trí, vai trò quan trọng của mình đối với sự phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước. Cùng với sự phát triển đó, doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân tại các tỉnh, thành trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long cũng chuyển biến tích cực. Trên cơ sở phân tích thực trạng thực hiện chính sách phát triển doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân, bài viết đánh giá thành tựu, hạn chế và mạnh dạn đề xuất một số khuyến nghị nhằm góp phần thực hiện hiệu quả chính sách phát triển doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân tại các tỉnh, thành trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Từ khóa: Chính sách, doanh nghiệp, kinh tế tư nhân, Đồng bằng sông Cửu Long.

Abstract:

After 35 years of renovation, with the private economic development policy of Vietnamese Communist Party and government, the private sector enterprises have achieved many great achievements, affirming their important position and roles to the overall socio-economic development of the country. Along with those achievements, enterprises in the private sector in provinces and city in the Mekong Delta region also changed positively. On the basis of analyzing the actual situation of implementing policies on business development in the private sector, the article evaluates the achievements as well as limitations and boldly proposes some recommendations to contribute to the effective implementation of policies developing private sector enterprises in provinces and city in the Mekong Delta region.

Keywords: Policy, enterprise, private sector, Mekong Delta.

1. Đặt vấn đề

Phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong đó có kinh tế tư nhân (KTTN) là một chủ trương quan trọng của Đảng ta, qua đó đã khơi dậy, huy động và khai thác được các nguồn lực to lớn trong nhân dân như: trí tuệ, vốn, sức lao động, kinh nghiệm quản lý, tài nguyên...và các nguồn lực

khác vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nghị quyết số 10-NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII xác định: “Phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh theo cơ chế thị trường là một yêu cầu khách quan, vừa cấp thiết, vừa lâu dài trong quá trình hoàn thiện thể

chế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta”. Với chủ trương đó, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách phát triển doanh nghiệp khu vực KTTN, nhờ đó doanh nghiệp thuộc khu vực này đã có nhiều sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh, bám sát với thị trường nên đã tạo được những

bước phát triển mạnh mẽ, giải quyết việc làm cho hàng triệu lao động, góp phần giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội.

Đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), việc thực hiện chính sách phát triển doanh nghiệp khu vực KTTN cũng đã có nhiều bước tiến quan trọng, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Tuy nhiên, việc phát huy vai trò của doanh nghiệp khu vực KTTN tại ĐBSCL vẫn còn một số bất cập, hạn chế, xuất phát từ nguyên nhân chủ quan, khách quan khác nhau. Vì vậy, việc tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về chính sách phát triển doanh nghiệp khu vực KTTN trong phát triển kinh tế - xã hội ở ĐBSCL hiện nay, để có những giải pháp phù hợp trong việc phát huy hơn nữa vai trò của doanh nghiệp trong thành phần kinh tế này, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng là vấn đề có ý nghĩa cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Do đó, trên cơ sở nghiên cứu lý luận về chính sách phát triển doanh nghiệp khu vực KTTN, bài viết tập trung phân tích thực trạng thực hiện chính sách phát triển doanh nghiệp khu vực KTTN tại các tỉnh, thành trong vùng ĐBSCL, từ đó mạnh dạn đề xuất một số khuyến nghị nhằm góp phần thực hiện hiệu quả hơn chính sách phát triển doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN trong thời gian tới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết về chính sách phát triển doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân

Trên cơ sở quan điểm của Đảng về KTTN qua từng thời kỳ, Nhà nước đã ban hành nhiều

quy định về KTTN nói chung, doanh nghiệp khu vực KTTN nói riêng. Cụ thể:

Sau khi thực hiện chủ trương đổi mới đất nước (1986), ngày 21/12/1990, Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ 8 đã thông qua Luật Doanh nghiệp tư nhân. Theo đó, “Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và phát triển của doanh nghiệp tư nhân, thừa nhận sự bình đẳng trước pháp luật của doanh nghiệp tư nhân với các doanh nghiệp khác và tính sinh lợi hợp pháp của việc kinh doanh”. Luật Doanh nghiệp tư nhân đã tạo lập cơ sở pháp lý cho chủ doanh nghiệp tư nhân có quyền tự do kinh doanh và chủ động trong mọi hoạt động kinh doanh. Chủ doanh nghiệp tư nhân có quyền lựa chọn ngành, nghề, quy mô kinh doanh; lựa chọn hình thức và cách thức vay vốn; lựa chọn khách hàng, trực tiếp giao dịch, ký kết hợp đồng với khách hàng; tuyển dụng và thuê mướn lao động theo yêu cầu kinh doanh; sử dụng ngoại tệ thu được; quyết định việc sử dụng phần thu nhập còn lại; chủ động trong các hoạt động kinh doanh đã đăng ký.

Để bảo đảm quy định phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng thời kỳ, từ Luật Doanh nghiệp tư nhân năm 1990, Nhà nước đã lần lượt ban hành nhiều quy định mới để thay thế, sửa đổi, bổ sung. Vì vậy, hàng loạt quy định mới ra đời như Luật Doanh nghiệp năm 1999, Luật Doanh nghiệp năm 2005, Luật Doanh nghiệp năm 2014. Trong đó, Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã dành cả một chương (chương VII) để đưa ra các quy định về doanh nghiệp tư nhân.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách để hỗ trợ doanh nghiệp khu vực KTTN, trong đó có thể kể đến như: Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017 ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp; Quyết định số 1362/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn 2030. Trong đó, Quyết định số 1362/QĐ-TTg đã đưa ra ba quan điểm phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân: (1) Xóa bỏ mọi rào cản tâm lý xã hội và môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp khu vực tư nhân phát triển, không hạn chế quy mô, có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm. (2) Phát triển doanh nghiệp khu vực tư nhân hiệu quả, bền vững, đảm bảo kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với trách nhiệm xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường. 3) Ưu tiên hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khu vực tư nhân có quy mô nhỏ và vừa; khuyến khích xây dựng các thương hiệu lớn của doanh

ngành VN trên thị trường trong và ngoài nước.

2.2. Thực trạng thực hiện chính sách phát triển doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân tại Đồng bằng sông Cửu Long

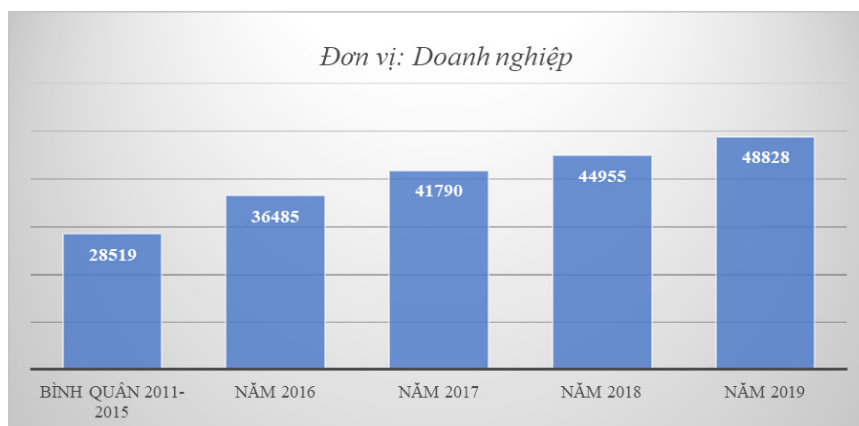
ĐBSCL là một trong số các vùng kinh tế quan trọng nhất của cả nước, từ sau khi Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư (năm 2014) được ban hành, doanh nghiệp khu vực KTTN vùng ĐBSCL đã ngày càng phát triển và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Tuy nhiên, nhìn vào động thái phát triển của doanh nghiệp khu vực KTTN vùng ĐBSCL cũng có thể nhận thấy những hạn chế, nhất là những vấn đề gây ra những hiệu ứng tiêu cực đối với doanh nghiệp của vùng. Sự phát triển doanh nghiệp khu vực KTTN vùng ĐBSCL từ năm 2015 (khi Luật Doanh nghiệp 2014 có hiệu lực) đến nay đã đạt được một số thành tựu và hạn chế như sau:

* Về thành tựu:

- Về tăng trưởng số lượng doanh nghiệp: Theo kết quả tổng hợp các số liệu về doanh nghiệp qua các năm cho thấy số lượng doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN của vùng ĐBSCL đã tăng liên tục. Bình quân giai đoạn 2011 – 2015 toàn vùng có 28.519 doanh nghiệp, năm 2016 có 36.485 doanh nghiệp, năm 2017 có 41.790 doanh nghiệp, năm 2018 có 44.955 doanh nghiệp, năm 2019 có 48.828 doanh nghiệp (hình 1). Như vậy, năm 2019 số lượng doanh nghiệp tăng 71,2% so với bình quân giai đoạn 2011 – 2015.

- Về phân bố doanh nghiệp giữa các địa phương: Theo Bảng 1 cho thấy năm 2019 thành phố

Hình 1: Tăng trưởng số lượng doanh nghiệp khu vực KTTN vùng Đồng bằng sông Cửu Long từ 2015 - 2019



Bảng 1: Thống kê số lượng doanh nghiệp tư nhân theo địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2015 - 2019 - Đơn vị: Doanh nghiệp

Tên tỉnh	Bình quân 2011-2015	2016	2017	2018	2019
Long An	3.363	4.597	5.438	6.030	6.533
Tiền Giang	2.862	3.456	3.784	4.043	4.286
Bến Tre	1.764	2.046	2.311	2.629	3.142
Trà Vinh	1.074	1.389	1.499	1.562	1.812
Vĩnh Long	1.651	1.844	1.987	2.062	2.146
Đồng Tháp	1.928	2.395	2.778	2.921	3.130
An Giang	2.466	3.000	3.562	3.901	3.874
Kiên Giang	3.625	4.765	5.468	6.368	6.746
Cần Thơ	4.120	5.769	6.950	6.982	8.025
Hậu Giang	1.125	1.535	1.560	1.613	1.711
Sóc Trăng	1.417	1.685	1.889	2.040	2.251
Bạc Liêu	864	1.211	1.413	1.537	1.848
Cà Mau	2.260	2.793	3.151	3.267	3.324
Tổng cộng	28.519	36.485	41.790	44.955	48.828

Bảng 2: Thống kê số lao động và thu nhập bình quân của người lao động trong doanh nghiệp tư nhân vùng Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2015 - 2019
Đơn vị: Người; nghìn đồng/tháng

	Bình quân 2011-2015	2016	2017	2018	2019
Số lượng lao động	605.247	710.501	737.951	807.699	811.355
Thu nhập bình quân	4.086	5.264	5.669	6.140	6.373

Nguồn: Tính toán của tác giả trên số liệu thu thập từ Tổng cục Thống kê

Cần Thơ có số lượng doanh nghiệp khu vực KTTN cao nhất so với các địa phương khác trong vùng, với 8.025 doanh nghiệp, đứng thứ hai là tỉnh Kiên Giang với 6.746 doanh nghiệp, kế đó là tỉnh Long An với 6.533 doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp thấp nhất trong vùng là tỉnh Hậu

Giang với 1.711 doanh nghiệp, kế đó là tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bạc Liêu, lần lượt là 1.812 và 1.836 doanh nghiệp.

- Về số lượng lao động sử dụng và thu nhập bình quân của người lao động trong doanh nghiệp tư nhân: Số lượng lao động sử dụng trong doanh nghiệp

khu vực KTTN mặc dù chiếm số lượng không nhiều, nhưng có sự tăng dần theo từng năm. Bình quân giai đoạn 2011 – 2015 có 605.247 người, đến năm 2019 đã tăng lên 811.355 người, tăng 206.108 người (34,1%). Bên cạnh đó, thu nhập bình quân của người lao động trong doanh nghiệp khu vực KTTN cũng tăng lên, từ 4.086.000 đồng/người/tháng giai đoạn bình quân 2011 - 2015 lên 6.373.000 đồng/người/tháng năm 2019, tăng 2.287.000 đồng/người/tháng (tăng 55,9%).

- Về thực trạng năng lực của doanh nghiệp:

Về nguồn vốn: Kết quả thống kê cho thấy nguồn vốn của doanh nghiệp khu vực KTTN vùng ĐBSCL có sự gia tăng nhanh chóng, bình quân từ năm 2011 – 2015 mới chỉ có 595.105 tỷ đồng, nhưng đến năm 2019 đã tăng lên 1.422.619 tỷ đồng, tăng 827.514 tỷ đồng (tăng 139,1%).

Về doanh thu: Cũng tăng lên theo từng năm, bình quân 2011 – 2015 là 689.620 tỷ đồng, đến năm 2019 là 1.287.478 tỷ đồng, tăng 597.858 tỷ đồng (tăng 86,7%).

Về lợi nhuận trước thuế: Có sự biến động giữa các năm, trong đó lợi nhuận trước thuế cao nhất là năm 2016 và 2017 (lần lượt là 26.905 và 26.205 tỷ đồng), đến năm 2019 giảm xuống còn 17.057 tỷ đồng.

Từ phân tích bức tranh phát triển doanh nghiệp khu vực KTTN vùng ĐBSCL có thể nhận thấy, khu vực doanh nghiệp này đã có những bước phát triển hết sức quan trọng và có những đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng, biểu hiện cụ thể ở một số khía cạnh như: có sự tăng trưởng liên tục

Bảng 3: Thống kê về năng lực của doanh nghiệp tư nhân vùng Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2015 - 2019 - Đơn vị: Tỷ đồng

	Bình quân 2011-2015	2016	2017	2018	2019
Nguồn vốn	595.105	776.682	1.036.616	1.190.215	1.422.619
Doanh thu	689.620	962.998	1.048.288	1.178.413	1.287.478
Lợi nhuận trước thuế	11.848	26.905	26.205	22.757	17.057

Nguồn: Tính toán của tác giả trên số liệu thu thập từ Tổng cục Thống kê

về số lượng doanh nghiệp khu vực KTTN ở tất cả các tỉnh, thành phố trong vùng; kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp khu vực KTTN trong vùng có chuyển biến theo hướng tích cực, thể hiện ở xu hướng gia tăng doanh thu, lợi nhuận, giá trị sản xuất công nghiệp, hiệu quả kinh doanh...; số lượng lao động được thu hút vào doanh nghiệp khu vực KTTN chiếm số lượng lớn, thu nhập của người lao động có xu hướng ngày càng tăng.

** Về hạn chế, khó khăn*

Thứ nhất, số lượng doanh nghiệp khu vực KTTN trong nước vùng ĐBSCL gia tăng nhanh chóng nhưng có sự mất cân đối về cơ cấu theo quy mô, phần lớn các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, số lượng doanh nghiệp quy mô lớn và vừa rất ít. Điều này sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển của toàn bộ doanh nghiệp khu vực KTTN của vùng về lâu dài, bởi doanh nghiệp lớn không chỉ có lợi thế khai thác, tận dụng lợi thế về quy mô mà còn có đủ năng lực để đầu tư đổi mới kỹ thuật, công nghệ để tăng năng suất lao động, thu hút lao động trình độ cao, để nâng cao năng lực cạnh tranh, có thể tham gia các chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ hai, thực lực của doanh nghiệp khu vực KTTN vùng ĐBSCL nhìn chung còn nhiều hạn chế, dựa vào các chỉ số về

vốn chủ sở hữu bình quân doanh nghiệp, vốn đầu tư phát triển bình quân doanh nghiệp đầu tư cho máy móc thiết bị bình quân doanh nghiệp, khả năng thu hút lao động. Nếu xét đối tượng các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ thì thực lực của doanh nghiệp cơ bản là yếu, doanh nghiệp siêu nhỏ thậm chí được đánh giá chỉ tương ứng với hộ kinh doanh.

Thứ ba, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp khu vực KTTN vùng ĐBSCL nhìn chung còn thấp khi so sánh với khu vực doanh nghiệp nhà nước. Lợi nhuận thấp cũng đồng nghĩa với khả năng tích lũy vốn từ nội bộ doanh nghiệp sẽ rất khó khăn, nếu có sẽ diễn ra rất chậm chạp và hệ quả là sẽ cản trở việc gia tăng quy mô hoặc mở rộng lĩnh vực sản xuất.

Thứ tư, nhiều doanh nghiệp khu vực KTTN vùng ĐBSCL hoạt động trong ngành gắn với lợi thế của vùng như: chế biến nông sản, thủy sản chưa thực sự chủ động được nguồn nguyên liệu, còn phụ thuộc nhiều vào sự biến động thị trường và tình trạng biến đổi khí hậu.

Thứ năm, các doanh nghiệp khu vực KTTN vùng ĐBSCL hiện đang gặp phải sức ép cạnh tranh rất lớn từ các doanh nghiệp lớn có trụ sở ở vùng khác và các doanh nghiệp FDI trong vùng. Sức ép cạnh tranh lớn trong bối cảnh năng lực còn nhiều hạn chế,

và là một nguy cơ lớn đối với sự phát triển của doanh nghiệp khu vực KTTN của vùng.

Thứ sáu, doanh nghiệp khu vực KTTN vùng ĐBSCL chưa phát triển đủ mạnh để hấp thụ nguồn lao động tại chỗ dồi dào của vùng, không có nhiều cơ hội việc làm, không tìm được việc làm thu nhập thấp đã dẫn đến hệ quả tất yếu là một số lượng lớn lao động các tỉnh vùng ĐBSCL đã rời quê đi tìm việc làm ở nơi khác.

Thứ bảy, doanh nghiệp khu vực KTTN vùng ĐBSCL phát triển thiếu cân đối giữa các địa phương, chỉ tập trung phát triển mạnh ở một số tỉnh, thành phố có điều kiện thuận lợi như: thành phố Cần Thơ, tỉnh Kiên Giang, tỉnh Long An, ba tỉnh, thành này cộng lại đã chiếm 43,6% tổng số doanh nghiệp khu vực KTTN toàn vùng. Bên cạnh đó, nhiều địa phương số lượng doanh nghiệp rất ít, nhất là tỉnh Hậu Giang, Trà Vinh, Bạc Liêu.

2.3. Một số khuyến nghị

Thứ nhất, Nhà nước cần tiếp tục nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp khu vực KTTN phát triển mạnh trên nhiều lĩnh vực, quy mô, cấp độ và tăng cường liên kết, hợp tác song phương, đa phương với các doanh nghiệp trong và ngoài nước cho khu vực ĐBSCL. Kiên quyết xóa bỏ mọi rào cản về thủ tục hành chính từ các cơ quan chức năng, chính quyền các cấp để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả.

Thứ hai, tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp khu vực KTTN đang hoạt động cả về vốn, khoa học – công nghệ, năng lực vận

hành. Do đó, các Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Tài chính thực hiện nghiên cứu đề xuất các quỹ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nghiên cứu kiến nghị điều chỉnh Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng như các văn bản dưới luật có liên quan đến nội dung về quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, quỹ khoa học công nghệ. Các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là đầu mối kết hợp với các trường đại học của vùng thực hiện đầu tư phát triển các cơ sở nghiên cứu công nghệ, các phòng thí nghiệm. Bảo đảm cơ hội cho các doanh nghiệp vay vốn để phát triển, khắc phục tình trạng thiếu vốn đối ứng do quy mô vốn vay không đủ so với nhu cầu và yêu cầu, đặc biệt khi vay vốn đối mới công nghệ.

Thứ ba, tạo điều kiện cho doanh nghiệp khu vực KTTN tiếp cận công nghệ hiện đại, trang bị mới cơ sở vật chất, tăng cường liên kết đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên sâu cho các nhà quản lý, chuyên gia; nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân để làm chủ được công việc trong thời đại công nghiệp 4.0, nền kinh tế số. Cải tiến kỹ thuật, sáng tạo trong lao động để tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí sản xuất, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thương trường và hội nhập quốc tế.

Thứ tư, khuyến khích thành lập những doanh nghiệp sử dụng nguồn nguyên liệu sẵn có tại chỗ như chế biến nông sản để tận dụng lợi thế của vùng. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành cần định vị rõ ngành trọng điểm và thế mạnh

của địa phương mình, từ đó tiến hành quy hoạch và xây dựng các kế hoạch định hướng, hỗ trợ doanh nghiệp phù hợp, nhất là hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp đầu vào ngành nông nghiệp có lợi thế, gắn với phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản có công nghệ tiên tiến, vừa đáp ứng đầu ra cho nông sản của vùng, vừa đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Thứ năm, cần đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông, tạo sự kết nối hệ thống vận chuyển giữa các địa phương trong vùng và giữa vùng ĐBSCL với các vùng khác, đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng quyết định cho sự phát triển doanh nghiệp ở ĐBSCL, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tư nhân có quy mô vừa và lớn đầu tư vào vùng nhằm cân đối về quy mô, cũng như đảm bảo phát triển cân đối doanh nghiệp tư nhân giữa các địa phương trong vùng.

3. Kết luận

Với việc ban hành chính sách phát triển doanh nghiệp khu vực KTTN của Nhà nước, trong những năm qua, doanh nghiệp khu vực KTTN tại ĐBSCL đã có sự chuyển biến rõ rệt, số lượng và năng lực doanh nghiệp khu vực KTTN tăng lên từng năm, kéo theo vấn đề việc làm cho người lao động trong khu vực cũng được giải quyết. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được, doanh nghiệp khu vực KTTN tại ĐBSCL cũng còn những khó khăn, hạn chế nhất định, đặc biệt về quy mô doanh nghiệp chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Trong thời gian tới, ĐBSCL cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm khắc phục những khó khăn,

hạn chế, sớm đưa doanh nghiệp khu vực KTTN tại ĐBSCL phát triển bền vững, thích ứng với tình hình mới •

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương. (2017). *Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2019, 2020, 2021). *Sách trắng doanh nghiệp VN năm 2019, 2020, 2021*. NXB Thống Kê.
- Phí Vĩnh Tường. (2020). *Giải pháp phát triển doanh nghiệp vùng Tây Nam bộ trong bối cảnh mới*. Tham luận tại Hội thảo khoa học do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội VN và Quỹ FNF chủ trì.
- Quốc hội. (1990). *Luật Doanh nghiệp tư nhân số 48-LCT/HĐNN8 ngày 21/12/1990*.
- Quốc hội. (2014). *Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2019). *Quyết định số 1362/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 về phê duyệt kế hoạch phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn 2030*.
- Vũ Hùng Cường. (2021). *Phát triển doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân vùng Tây Nam bộ trong bối cảnh mới*. NXB Khoa học xã hội.

Phát triển thị trường...

(Tiếp theo trang 35)

Tiếp tục đa dạng các sản phẩm chứng khoán, trong đó có đa dạng hóa sản phẩm chứng khoán phái sinh nhằm tạo kênh thu hút vốn cho Chính phủ, doanh nghiệp và kênh đầu tư cho nhà đầu tư •

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Amaral, F.E. (2003). Prospects for coffee development in East Timor. *ACIAR Proceedings* 113, 24-27
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2006). *Giáo trình triết học Mác – Lê Nin*. NXB Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2006
- Damodaran, A., (2002). Conflict of trade-facilitating environmental regulations with biodiversity concerns: the case of coffee farming units in India. *World Development* 30, 1123-1135.
- Đinh Phi Hồ, Nguyễn Văn Phương. (2015). *Giáo trình Kinh tế phát triển căn bản và nâng cao*, NXB Kinh tế TP.HCM, 2015
- Huỳnh Thị Minh Duyên. (2020). Giải pháp phát triển thị trường trái phiếu chính phủ tại VN. *Tạp chí Khoa học và công nghệ đại học Duy Tân*, 05(42) (2020) pp 120-131
- Nguyễn Tiến Hưng, Lê Thị Huyền Trang. (2021). Thực trạng phát triển thị trường vốn VN. *Tạp chí con số và sự kiện*, 2021: <http://consosukien.vn/thuc-trang-phat-trien-thi-truong-von-viet-nam.htm>.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH 14*: [https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/Uploads/2020/2/7/10/Luat-54.signed-\(2\).pdf](https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/Uploads/2020/2/7/10/Luat-54.signed-(2).pdf)
- Quyết định 252/QĐ-TTg ngày 1 tháng 3 năm 2012 Phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán VN giai đoạn 2011 – 2020
- Tallontire, A., (2002). Challenges facing fair trade: which way now? *Small Enterprise Development* 13, 12-24.
- Vũ Trường Sơn, Trần Minh Hoàng. (2021). Phát triển bền vững thị trường trái phiếu doanh nghiệp. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo* số 17, tháng 6/2021

